

Số: 24/2022/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 08 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu học phí năm học 2022 - 2023
đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập
và giáo dục thường xuyên có tổ chức dạy Chương trình giáo dục phổ thông
trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 6777/TTr-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí năm học 2022 - 2023 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên có tổ chức dạy Chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức thu học phí năm học 2022 - 2023 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên có tổ chức dạy Chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

b) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các văn bản hiện hành khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và học viên đang học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên có tổ chức dạy Chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

b) Các cơ sở giáo dục công lập; các cơ sở giáo dục thường xuyên có tổ chức dạy Chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức thu học phí

1. Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên có mức thu như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/học sinh/tháng.

| STT | Cấp học | Mức thu học phí | |
|-----|---------------------|--|------------------------------------|
| | | Vùng thành thị (phường thuộc thành phố, thị trấn thuộc huyện) | Vùng nông thôn (các xã còn lại) |
| 1 | Giáo dục mầm non | 300 | 100 |
| 2 | Giáo dục phổ thông | | |
| - | Tiểu học | 300 | 100 |
| - | Trung học cơ sở | 300 | 100 |
| - | Trung học phổ thông | 300 | 200 |

Học phí đối với giáo dục tiểu học công lập quy định tại khoản này dùng làm căn cứ để quyết định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tự thực ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tự thực thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định.

2. Các cơ sở giáo dục thường xuyên có tổ chức dạy Chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của các trường phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp tổ chức học trực tuyến (học online), mức thu học phí của các cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên có tổ chức dạy Chương trình giáo dục phổ thông bằng 70% mức thu quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, các đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: ĐDBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trang TTĐT ĐBND tỉnh Bến Tre, Trung tâm TTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến